

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Quý 1 năm 2015



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>600,461,329,659</b>	<b>562,951,175,478</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	232,114,313,646	250,312,116,290
111	1. Tiền		202,114,313,646	180,312,116,290
112	2. Các khoản tương đương tiền		30,000,000,000	70,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	71,949,427,975	76,421,645,352
121	1. Đầu tư ngắn hạn		72,766,490,949	76,706,172,840
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(817,062,974)	(284,527,488)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	293,625,038,602	233,991,623,387
131	1. Phải thu của khách hàng		116,926,000	7,190,676,000
132	2. Trả trước cho người bán		303,280,800	272,620,800
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1,472,351,619	1,461,277,190
138	5. Các khoản phải thu khác		309,220,566,780	242,555,135,994
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17,488,086,597)	(17,488,086,597)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,772,549,436	2,225,790,449
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2,024,183,636	1,580,800,149
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	748,365,800	644,990,300
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>175,713,080,702</b>	<b>175,302,453,872</b>
220	II. Tài sản cố định		145,053,344,416	146,233,152,540
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12,826,133,213	13,205,484,065
222	- Nguyên giá		26,159,122,219	26,159,122,219
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,332,989,006)	(12,953,638,154)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	132,227,211,203	133,027,668,475
228	- Nguyên giá		151,107,694,185	151,107,694,185
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18,880,482,982)	(18,080,025,710)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	20,000,000,000	20,000,000,000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20,000,000,000	20,000,000,000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		10,659,736,286	9,069,301,332
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	31,317,562
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	9,963,333,870	8,339,000,354
268	4. Tài sản dài hạn khác		696,402,416	698,983,416
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>776,174,410,361</b>	<b>738,253,629,350</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính


Quý 1 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>377,678,550,447</b>	<b>342,193,576,492</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>377,678,550,447</b>	<b>342,193,576,492</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	120,129,039,253	155,665,168,392
312	2. Phải trả người bán		408,496,075	803,812,765
313	3. Người mua trả tiền trước		2,384,905,902	479,105,110
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1,834,574,713	3,551,667,582
315	5. Phải trả người lao động		383,955,648	3,268,616,271
316	6. Chi phí phải trả	16	151,858,802	1,099,799,279
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	251,262,272,581	176,333,842,922
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	579,051,803	984,801,701
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		544,395,670	6,762,470
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>398,495,859,914</b>	<b>396,060,052,858</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>398,495,859,914</b>	<b>396,060,052,858</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397,000,000,000	
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		5,973,357,884	5,973,357,884
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4,477,497,970)	(6,913,305,026)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>776,174,410,361</b>	<b>738,253,629,350</b>


Phạm Thị Vân  
Người lập

  
Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2015

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2015

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay		Đơn vị tính: VNĐ Năm trước	
			Quý 1	Lũy kế từ đầu năm	Quý 1	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4	5	5	5
1	Doanh thu	01	14,523,806,092	14,523,806,092	18,991,484,702	18,991,484,702
<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	6,240,768,828	6,240,768,828	9,262,125,965	9,262,125,965
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	388,106,838	388,106,838	2,112,245,534	2,112,245,534
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	17,861,507	17,861,507	-	-
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	106,500,000	106,500,000	228,636,364	228,636,364
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	337,672,448	337,672,448	280,875,746	280,875,746
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	-	-	50,000,000	50,000,000
	Doanh thu khác	01.9	7,432,896,471	7,432,896,471	7,057,601,093	7,057,601,093
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	14,523,806,092	14,523,806,092	18,991,484,702	18,991,484,702
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	4,428,305,191	4,428,305,191	6,020,103,439	6,020,103,439
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	10,095,500,901	10,095,500,901	12,971,381,263	12,971,381,263
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7,250,102,838	7,250,102,838	7,603,902,706	7,603,902,706
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	2,845,398,063	2,845,398,063	5,367,478,557	5,367,478,557
8	Thu nhập khác	31	192,374,899	192,374,899	10,169,549	10,169,549
9	Chi phí khác	32		35	10	10
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	192,374,864	192,374,864	10,169,539	10,169,539
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	3,037,772,927	3,037,772,927	5,377,648,096	5,377,648,096
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	601,965,871	601,965,871	1,075,529,619	1,075,529,619
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	2,435,807,056	2,435,807,056	4,302,118,477	4,302,118,477
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	61.36	61.36	108.37	108.37

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Phạm Thị Vân  
Người lập

Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 1 năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1.2015	Quý 1.2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3,037,772,927	5,377,648,096
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1,179,808,124	1,203,553,555
03	- Các khoản dự phòng		532,535,486	(28,278,497,744)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6,911,577,308)	(7,070,853,905)
06	- Chi phí lãi vay		1,680,101,677	1,100,736,976
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(481,359,094)	(27,667,413,022)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(59,675,716,487)	(152,909,979,380)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		3,939,681,891	158,632,597,494
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		72,377,329,165	69,406,189,665
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(412,065,925)	(12,044,148)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1,680,101,677)	(1,100,736,976)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,958,191,942)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,682,826,744)	(775,543,852)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10,426,749,187	45,573,069,781
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và		-	37,254,250
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6,911,577,308	7,070,853,905
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6,911,577,308	7,108,108,155
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1,594,387,569,423	1,468,118,617,585
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1,629,923,698,562)	(1,465,674,613,372)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35,536,129,139)	2,444,004,213
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18,197,802,644)	55,125,182,149

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 1 năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1.2015	Quý 1.2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		250,312,116,290	188,948,022,681
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	232,114,313,646	244,073,204,830

*Phạm Thị Vân*

*Lương Thanh Trung*



*Nguyễn Thanh Hải*

Phạm Thị Vân  
Người lập

Lương Thanh Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Quý 1 năm 2015

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2015
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	-	-	397,000,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển		5,973,357,884	-	-	5,973,357,884
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6,913,305,026)	2,435,807,056	-	(4,477,497,970)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>396,060,052,858</b>	<b>2,435,807,056</b>	<b>-</b>	<b>398,495,859,914</b>

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2014
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	-	-	397,000,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển		5,973,357,884	-	-	5,973,357,884
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22,780,007,384)	4,302,118,477	-	(18,477,888,907)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>380,193,350,500</b>	<b>4,302,118,477</b>	<b>-</b>	<b>384,495,468,977</b>

Phạm Thị Vân  
Người lập  
Lương Thành Trung  
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Quý 1 năm 2015*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu
- Phòng Giao dịch tại Mỹ Đình

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.





*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.

**2.7 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.15 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính  
Quý 1 năm 2015**2.17 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Quý 1	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Quý 1 VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>2,296,728</b>	<b>39,215,377,491</b>
- Cổ phiếu	2,296,728	39,215,377,491
- Trái phiếu		
<b>Của người đầu tư</b>	<b>175,288,702</b>	<b>2,179,338,481,400</b>
- Cổ phiếu	175,288,702	2,179,338,481,400
- Chứng chỉ quỹ		
	<b><u>1,424,388,365</u></b>	<b><u>25,494,022,045,434</u></b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	3,952,456,965	16,761,309,733
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	198,161,856,681	163,550,806,557
Các khoản tương đương tiền	30,000,000,000	70,000,000,000
	<b><u>232,114,313,646</u></b>	<b><u>250,312,116,290</u></b>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm.

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Chứng khoán niêm yết	8,867,785,561	19,838,717,452
Chứng khoán chưa niêm yết	43,990,505,388	36,959,255,388
Trái phiếu	19,908,200,000	19,908,200,000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(817,062,974)	(284,527,488)
	<b><u>71,949,427,975</u></b>	<b><u>76,421,645,352</u></b>

**6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Phí giao dịch phải thu của Nhà đầu tư	82,068,952	70,994,523
Phải thu thành viên khác	1,390,282,667	1,390,282,667
	<b><u>1,472,351,619</u></b>	<b><u>1,461,277,190</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Quý 1 năm 2015**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của NĐT theo hợp đồng ký quỹ	225,113,063,842	195,853,962,976
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho NĐT	76,377,082,542	42,019,981,970
Các khoản phải thu khác	7,730,420,396	4,681,191,048
	<b>309,220,566,780</b>	<b>242,555,135,994</b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	762,489,573	761,886,745
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	154,948,710	113,754,247
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,106,745,353	705,159,157
	<b>2,024,183,636</b>	<b>1,580,800,149</b>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	748,365,800	644,990,300
	<b>748,365,800</b>	<b>644,990,300</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2015	9,700,202,321	13,416,758,898	3,042,161,000	26,159,122,219
Mua sắm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>9,700,202,321</b>	<b>13,416,758,898</b>	<b>3,042,161,000</b>	<b>26,159,122,219</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2015	504,063,930	10,274,814,501	2,174,759,723	12,953,638,154
Trích khấu hao	58,209,696	245,087,133	76,054,023	379,350,852
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>562,273,626</b>	<b>10,519,901,634</b>	<b>2,250,813,746</b>	<b>13,332,989,006</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/03/2015	9,196,138,391	3,141,944,397	867,401,277	13,205,484,065
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>9,137,928,695</b>	<b>2,896,857,264</b>	<b>791,347,254</b>	<b>12,826,133,213</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.373.771.963 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2015

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	125,000,000,000	26,107,694,185	151,107,694,185
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>125,000,000,000</b>	<b>26,107,694,185</b>	<b>151,107,694,185</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	18,080,025,710	18,080,025,710
Trích khấu hao	-	800,457,272	800,457,272
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>-</b>	<b>18,880,482,982</b>	<b>18,880,482,982</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	125,000,000,000	8,027,668,475	133,027,668,475
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>125,000,000,000</b>	<b>7,227,211,203</b>	<b>132,227,211,203</b>

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	20,000,000,000	20,000,000,000
	<b>20,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>

Tại ngày 31/03/2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	6,881,922,825	5,736,318,899
Tiền lãi phân bổ trong năm	2,961,411,045	2,482,681,455
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9,963,333,870</b>	<b>8,339,000,354</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2015	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/03/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>155,665,168,392</b>	<b>1,594,387,569,423</b>	<b>(1,629,923,698,562)</b>	<b>120,129,039,253</b>
Vay ngân hàng	155,665,168,392	1,594,387,569,423	(1,629,923,698,562)	120,129,039,253
(Xem thuyết minh )				
	<b>155,665,168,392</b>	<b>1,594,387,569,423</b>	<b>(1,629,923,698,562)</b>	<b>120,129,039,253</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Bạc Liêu		50,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân		18,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội (1)	120,129,039,253	87,665,168,392
	<b>120,129,039,253</b>	<b>155,665,168,392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý I năm 2015

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng và phụ lục kèm theo với tổng số tiền cho vay là 120.129.039.253 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ tín dụng cho nhà đầu tư; thời hạn vay từ 03 đến 05 ngày kể từ ngày nhận nợ; lãi suất cho vay tại ngày 31/03/2015 là 11%/năm; hình thức đảm bảo tiền vay quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	57,160,167	56,078,706
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	584,601,053	1,940,827,124
Thuế Thu nhập cá nhân	1,192,813,493	1,554,761,752
	<u>1,834,574,713</u>	<u>3,551,667,582</u>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả chi phí hoạt động kinh doanh	151,858,802	1,099,799,279
	<u>151,858,802</u>	<u>1,099,799,279</u>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31,206,820	9,516,480
Bảo hiểm xã hội	91,072,800	759,200
Bảo hiểm y tế	15,762,600	131,400
Bảo hiểm thất nghiệp	7,005,600	58,400
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	198,113,613,895	163,550,806,557
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38,257,600,000	256,000,000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	163,534,000	28,810,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14,582,476,866	12,487,760,885
	<u>251,262,272,581</u>	<u>176,333,842,922</u>

**18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	261,867,286	464,827,961
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	116,839,019	133,803,911
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	200,345,498	386,169,829
	<u>579,051,803</u>	<u>984,801,701</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2015

**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	397,000,000,000	5,973,357,884	(6,913,305,026)	396,060,052,858
Lỗ trong năm	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>5,973,357,884</b>	<b>(6,913,305,026)</b>	<b>396,060,052,858</b>
Lãi trong năm	-	-	2,435,807,056	2,435,807,056
<b>Tại ngày 31/03/2015</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>5,973,357,884</b>	<b>(4,477,497,970)</b>	<b>398,495,859,914</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/03/2015 VND	Tỷ lệ (%)	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	42.50%	168,705,620,000	42.50%	168,705,620,000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28.93%	114,868,530,000	28.93%	114,868,530,000
Ngân hàng TMCP An Bình	5.20%	20,650,000,000	5.20%	20,650,000,000
Ông Đào Mạnh Kháng	6.34%	25,150,000,000	6.34%	25,150,000,000
Các cổ đông khác	17.03%	67,625,850,000	17.03%	67,625,850,000
	<b>100%</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>397,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý 1 năm 2015 VND	Quý 1 năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397,000,000,000	397,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	397,000,000,000	397,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	397,000,000,000	397,000,000,000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,700,000	39,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,700,000	39,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,700,000	39,700,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,700,000	39,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,700,000	39,700,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

**20 . DOANH THU**

	Quý 1. 2015 VND	Quý 1. 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>14,523,806,092</b>	<b>54,522,055,285</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6,240,768,828	9,262,125,965
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	388,106,838	2,112,245,534
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	17,861,507	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	106,500,000	228,636,364
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	337,672,448	280,875,746
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	50,000,000
- Doanh thu khác	7,432,896,471	7,057,601,093
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>14,523,806,092</b>	<b>18,991,484,702</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2015

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 1. 2015	Quý 1. 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1,559,827,077	2,785,189,972
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	190,272,650	30,702,245,095
Chi phí hoạt động tư vấn	129,672,727	41,209,091
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	335,895,574	336,612,356
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	532,535,486	(28,946,580,051)
Chi phí khác	1,680,101,677	1,101,426,976
	<b>4,428,305,191</b>	<b>6,020,103,439</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 1. 2015	Quý 1. 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,488,516,380	3,109,415,952
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	285,675,002	245,008,619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,179,808,124	1,203,553,555
Thuế, phí và lệ phí	11,000,000	10,000,000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,713,554,850	1,772,964,338
Chi phí khác bằng tiền	571,548,482	1,262,960,242
	<b>7,250,102,838</b>	<b>7,603,902,706</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 1.2015	Quý 1. 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,037,772,927	5,377,648,096
Các khoản điều chỉnh tăng	103,624,091	
- Chi phí không hợp lệ	103,624,091	-
Các khoản điều chỉnh giảm	131,567,663	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	22,832,100	-
- Thu nhập đã tính thuế ở những năm trước	108,735,563	-
Tổng thu nhập tính thuế	3,009,829,355	5,377,648,096
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	601,965,871	1,075,529,619
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>601,965,871</b>	<b>1,075,529,619</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(17,364,818)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>584,601,053</b>	<b>1,075,529,619</b>

(\*) Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 và các văn bản thay thế hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh (Công ty đi vào hoạt động năm 2006).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý I năm 2015

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 1. 2015	Quý 1. 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2,435,807,056	4,302,118,477
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,435,807,056	4,302,118,477
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39,700,000	39,700,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>61.36</b>	<b>108.37</b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Quý 1. 2015	Quý 1. 2014
		VND	VND
<b>Cổ tức được chia</b>			
<b>Chi trả lãi vay</b>			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		1,657,601,667	1,100,736,976
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/03/2014	01/01/2015
		VND	VND
<b>Đầu tư cổ phiếu, góp vốn</b>			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		25,114,006,552	25,114,006,552
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Tài chính An Bình (*)		4,400,000,000	4,400,000,000
<b>Vay vốn</b>			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		120,129,039,253	137,665,135,392

(\*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này.

Phạm Thị Vân  
Người lập  
Lương Thanh Trung  
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc 

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015